

Số: 154/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2026/TLST – HNGĐ ngày 11/9/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Chị **Phạm Thị Liên Q**, sinh năm: 1985

Anh **Trịnh Văn S**, sinh năm: 1984

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Trịnh Dương Khánh H**, sinh ngày 23/10/2010; giới tính: Nữ

Cháu **Trịnh Thanh S**, sinh ngày 10/10/2015; giới tính: Nam

Cháu **Trịnh Đan N**, sinh ngày 09/8/2020; giới tính: Nữ

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trịnh Dương Khánh H, cháu Trịnh Thanh S và cháu Trịnh Đan N là chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S (bố mẹ đẻ các cháu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Liên Quy và anh Trịnh Văn Soái kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Đại Đồng, tỉnh Hưng

Yên) ngày 17/12/2009 được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2018 anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau về cách sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng trao đổi, nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 7/2019 anh chị sống ly thân đến khoảng tháng 9/2019 anh chị lại về chung sống với nhau. Sau khi anh chị về chung sống mâu thuẫn mâu thuẫn giữa anh chị càng trở nên trầm trọng hơn đến tháng 8/2026 anh chị sống ly thân. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã biết và hoà giải nhưng không thành. Đến nay cả hai đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể tiếp tục chung sống nên đều thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q, anh S đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân và không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Q, anh S.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Trịnh Dương Khánh H, sinh ngày 23/10/2010; Trịnh Thanh S, sinh ngày 10/10/2015 và Trịnh Đan N, sinh ngày 09/8/2020.

Nay ly hôn, chị Q và anh S thỏa thuận thống nhất: Chị Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung là cháu Trịnh Dương Khánh H, Trịnh Thanh S và Trịnh Đan N đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của chị Q, anh S là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S cùng xác nhận vợ chồng không có gì chung và thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí việc gia đình hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/9/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Trịnh Dương Khánh H, sinh ngày 23/10/2010, Trịnh Thanh S, sinh ngày 10/10/2015 và Trịnh Đan N, sinh ngày 09/8/2020.

Ly hôn, chị Q và anh S thỏa thuận thống nhất: Chị Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung là cháu Trịnh Dương Khánh H, Trịnh Thanh S và Trịnh Đan N đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Q, anh S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp:** Chị Phạm Thị Liên Q và anh Trịnh Văn S cùng xác nhận vợ chồng không có gì chung và thống nhất không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Hai bên thỏa thuận thống nhất để chị Q nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 00001275 ngày 11/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Q đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay là:
UBND xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên) - (ĐKKH ngày
17/12/2009);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Thắng